TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2019/QĐST-HNGĐ	*Thạch An, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự - Hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2019. Giữa:

Nguyên đơn: Chu Thị Hải Y - Sinh năm 1986

Trú tại: Tổ 18, Phường T, thành phố C, tỉnh C

Bị đơn: Nông Vũ H - Sinh năm 1984

Trú tại: Nà V, xã L, huyện T, tỉnh C

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2019;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, Điểm b khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 6 năm 2016. Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Chu Thị Hải Y và anh Nông Vũ H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Hải Y và anh Nông Vũ H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Y và anh H nhất trí thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị Y và anh H có 01 con chung là cháu Nông Khánh D, sinh ngày 05/12/2012.

Sau khi ly hôn chị Chu Thị Hải Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh H có trách nhiệm đóng góp 2.000.000,đ (Hai triệu đồng)/ tháng, tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị Y, hình thức đóng góp theo tháng kể từ ngày ra Quyết định.

Sau khi ly hôn anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản quyền này của anh H.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí:

Chị Chu Thị Hải Y phải chịu 75.000,đ (Bảy mươi năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn, sung công quỹ Nhà nước.

Anh Nông Vũ H phải chịu 75.000,đ (Bảy mươi năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn, sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra anh H còn phải chịu 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước.

Chị Chu Thị Hải Y tự nguyện nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn là 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sung công quỹ Nhà nước.

Xác nhận chị Chu Thị Hải Y đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số: AA/2016/0000578, ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS;
- TAND tỉnh;
- UBND P. Tân Giang;
- CCTHADS huyện;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương